

Những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với nội dung Thực tập sư phạm 2 của sinh viên Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non Trường Đại học Quy Nhơn

Tô Thị Minh Tâm*

*ThS. Khoa KHXH & NV, Trường Đại học Quy Nhơn

Received: 16/12/2022; Accepted: 22/12/2022; Published: 28/12/2022

Abstract: The article presents the results of the reasearch on the some factors affecting the adaptatbility to the content of pedagogical internship 2 of students of the faculty of Primary and Preschool education at Quy Nhon University. On that basis, some measures are proposed to improve the adaptatbility to the content for students.

Keywords: Adaptability, influencing factors, content of the pedagogical internship 2

1. Đặt vấn đề

Thực tập sư phạm 2 (TTSP2) là một nội dung (ND) thuộc chương trình đào tạo sinh viên sư phạm (SVSP). Đó là quá trình thử nghiệm để hoàn thiện những kỹ năng nghề cơ bản trong quá trình dạy học và giáo dục HS. Trên thực tế có một bộ phận không nhỏ SVSP chưa thích ứng với ND của TTSP2 nên hoạt động này không đạt kết quả cao.

Sinh viên (SV) Khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non (GDTH & MN), Trường Đại học Quy Nhơn là SVSP - những thầy cô giáo trong tương lai, là những người sẽ thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục học sinh giúp trẻ phát triển tâm lý và hoàn thiện nhân cách. Do vậy, việc tìm hiểu khả năng thích ứng của họ đối với ND TTSP2, các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với ND của TTSP2 và đề xuất các biện pháp góp phần nâng cao khả năng thích ứng này cho họ là việc làm hết sức cần thiết.

Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của SV khoa GDTH & MN, Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN) với ND TTSP2 gồm 4 nhóm: Bản thân SV, nhà trường sư phạm, cơ sở thực tập và một số yếu tố khác.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kết quả nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với nội dung TTSP 2 của SV khoa GDTH & MN, Trường ĐHQN

Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của SV khoa GDTH & MN, Trường ĐHQN đối với ND TTSP2 (bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và xử lý số liệu bằng Excel) được tiến hành trên 82 SV năm cuối ngành GD Tiểu học.

Bảng 2.1. Mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của SV khoa GDTH & MN, Trường ĐHQN

Nhóm	Các yếu tố cụ thể	ĐTB	Thứ hạng theo nhóm	
A. Bản thân sinh viên	Sức khỏe thể chất	3.99	4.21	1
	Hiểu biết về nội dung TTSP2; chuyên môn nghề nghiệp	4.22		
	Thái độ tích cực, chủ động, tự giác, ý chí nghị lực; Động cơ, mục đích, lý tưởng nghề nghiệp	4.23		
	Năng lực sư phạm (dạy học, giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp,...), năng lực khác (tin học, ngoại ngữ, giao tiếp sư phạm,...)	4.26		
	Hoạt động tự tu dưỡng, tự thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	4.37		
B. Nhà trường sư phạm	Môi trường, điều kiện, phương tiện học tập của sinh viên	3.39	3.50	2
	Hoạt động thực tế nhận thức nghề nghiệp, TTSP1,	3.56		
	Thời lượng thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3.55		
	Các hội thi nghiệp vụ sư phạm	3.51		
	Hoạt động cung cấp thông tin về TTSP2; Sự quan tâm, hỗ trợ giúp đỡ của cố vấn học tập, giảng viên	3.51		
C. Cơ sở thực tập	Điều kiện, phương tiện dạy học – giáo dục	3.38	3.42	3
	Sự tạo điều kiện, hỗ trợ, giúp đỡ của Ban giám hiệu nhà trường	3.41		
	Sự nhiệt tình hỗ trợ, giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn	3.46		
	Sự hỗ trợ, giúp đỡ của các giáo viên khác	3.41		
	Sự hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện của các phòng ban trong nhà trường	3.41		

D. Yếu tố khác	Sự hợp tác, giúp đỡ của học sinh	3.43	3.40	4
	Sự hợp tác, sẻ chia, cảm thông, đoàn kết, hỗ trợ của các giáo viên khác cùng nhóm thực tập	3.43		
	Sự động viên, khích lệ tinh thần của gia đình, bạn bè	3.35		
	Sự phối hợp thống nhất giữa gia đình với nhà trường trong công tác dạy học và giáo dục học sinh	3.37		
	Sự hỗ trợ của công cụ tìm kiếm thông tin trên mạng internet	3.49		

(Mức độ: 1 → 1.80 “Rất ít”; 1.81 → 2.60 “Ít”; 2.61 → 3.40 “Trung bình”; 3.41 → 4.20 “Nhiều”; 4.21 → 5.0 “Rất nhiều”)

* Ở nhóm yếu tố: Bản thân SV

Xếp hạng thứ nhất là: *Hoạt động tự tu dưỡng, tự thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm* (ĐTB = 4.37). Là hoạt động quan trọng trong quá trình học tập – nghề nghiệp của SVSP, để hình thành, phát triển năng lực nghề nghiệp và thích ứng với TTSP2. Được SVSP xếp hạng thứ 2 là yếu tố: *Năng lực sư phạm (dạy học, giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, ...), năng lực khác (tin học, ngoại ngữ, giao tiếp sư phạm, ...)* (ĐTB = 4.26, mức “Rất nhiều”).

Ở vị trí thứ ba: *Thái độ tích cực, chủ động, tự giác, ý chí nghị lực; Động cơ, mục đích, lý tưởng nghề nghiệp* (ĐTB = 4.23). Đây là các yếu tố tâm lý quan trọng trong phẩm chất nhân cách của người giáo viên. Vì vậy mà họ đánh giá các yếu tố này có ảnh hưởng ở mức “Rất nhiều” đến khả năng thích ứng với ND TTSP2.

Hiểu biết về chuyên môn nghề nghiệp, nội dung TTSP2 là yếu tố được SV xếp hạng thứ 4 trong các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của họ (ĐTB = 4.22). SV khoa GDTH & MN được khảo sát đã đánh giá yếu tố này ảnh hưởng ở mức “Rất nhiều” đến khả năng thích ứng với ND TTSP2.

Yếu tố *Sức khỏe thể chất* được SV cho rằng có ảnh hưởng ở mức “Nhiều” (xếp hạng 5, ĐTB = 3.99) đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của họ.

Theo đánh giá của SV khoa GDTH & MN thì nhóm yếu tố *Bản thân SV* có ảnh hưởng nhiều nhất so với các nhóm yếu tố khác (mức “Rất nhiều”, ĐTB = 4.2) đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của họ.

* Nhóm yếu tố: Nhà trường sư phạm

Xếp hạng thứ nhất là: *Hoạt động thực tế nhận thức nghề nghiệp, TTSP1* (ĐTB = 3.56). Yếu tố Hoạt động thực tế nhận thức nghề nghiệp, TTSP1 ảnh hưởng ở mức “Nhiều” đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của họ.

Vị trí thứ 2: *Thời lượng thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm* (ĐTB = 3.55). Thực tế cho thấy

thời lượng dành cho việc thực hành nghề nghiệp rèn nghiệp vụ sư phạm là rất quan trọng để tạo nên kỹ năng nghề, năng lực nghề. Cùng xếp hạng thứ 3 là 2 yếu tố: *Các hội thi nghiệp vụ sư phạm và Hoạt động cung cấp thông tin về TTSP2; Sự quan tâm, hỗ trợ giúp đỡ của cố vấn học tập, giảng viên* (ĐTB = 3.51, mức “nhiều”). Hội thi nghiệp vụ sư phạm là sân chơi quan trọng của SVSP, để họ có cơ hội được thử sức mình, được thể hiện bản thân ở các phần thi sinh động, lôi cuốn hấp dẫn và từ đó hình thành những trải nghiệm cảm xúc tuyệt vời đối với nghề nghiệp. Ngoài ra, theo đánh giá của SV thì yếu tố *Môi trường, điều kiện, phương tiện học tập của SV* có ảnh hưởng ở mức “Trung bình” (ĐTB = 3.39) đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của họ.

Như vậy: Nhóm yếu tố Nhà trường sư phạm có ảnh hưởng ở mức “Nhiều” (ĐTB = 3.50) đến khả năng thích ứng của SV khoa GDTH & MN với ND TTSP2.

* Nhóm yếu tố: Cơ sở thực tập

Cơ sở thực tập (nhà trường tiểu học) là đơn vị liên kết quan trọng của nhà trường sư phạm để tổ chức hoạt động TTSP1, 2 cho SV. Cơ sở thực tập có ảnh hưởng nhiều đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của SV khoa GDTH & MN. Cụ thể là:

Được SV xếp hạng thứ 1 trong nhóm này là yếu tố: *Sự nhiệt tình hỗ trợ, giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn* (ĐTB = 3.46). Trong TTSP2, giáo viên hướng dẫn có vai trò quan trọng trong việc định hướng, hỗ trợ, chỉ dẫn, giúp đỡ SVSP để họ tập quen với hoạt động dạy học và giáo dục học sinh tại nhà trường. Giáo viên hướng dẫn như người đưa đường, chỉ lối cho giáo viên trẻ họ nhanh chóng thích ứng với hoạt động TTSP2.

Cùng xếp ở vị trí thứ 2 là các yếu tố: *Sự tạo điều kiện, hỗ trợ, giúp đỡ của Ban giám hiệu nhà trường; Sự hỗ trợ, giúp đỡ của các giáo viên khác; Sự hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện của các phòng ban, trung tâm trong nhà trường* (ĐTB = 3.41). Các yếu tố này có ảnh hưởng ở mức “Nhiều” đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của SV khoa GDTH & MN.

Ngoài ra, trong quá trình TTSP2 yếu tố: *Điều kiện, phương tiện dạy học – giáo dục* cũng được SV hết sức quan tâm, họ cho rằng yếu tố này có ảnh hưởng ở mức “Trung bình” (ĐTB = 3.38, tiệm cận mức “Nhiều”) đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của họ.

* Nhóm Yếu tố khác

Yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến khả năng thích ứng của SV khoa GDTH & MN với ND TTSP2 là: *Sự hỗ trợ của công cụ tìm kiếm thông tin trên mạng*

internet (ĐTB = 3.45). Các công cụ tìm kiếm thông tin trên mạng internet đã hỗ trợ cho SV rất nhiều khi đi TTSP2. Bởi vì, SV cần tìm kiếm thông tin, ý tưởng, ví dụ, hình ảnh, video, ... để làm tư liệu soạn giảng giúp cho bài học được sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn học sinh hơn để tiết học được hiệu quả hơn. Do vậy, họ cho rằng yếu tố này có ảnh hưởng ở mức “Nhiều” đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của họ.

Xếp vị trí thứ 2 là yếu tố: *Sự hợp tác, giúp đỡ của học sinh và Sự hợp tác, sẻ chia, cảm thông, đoàn kết, hỗ trợ của các giáo sinh khác cùng nhóm thực tập* (ĐTB = 3.41, mức “Nhiều”). Trong quá trình TTSP2, ngoài việc bản thân mỗi giáo sinh phải thật sự nỗ lực cố gắng, có đủ các phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của hoạt động dạy học và giáo dục học sinh thì sự thành công của mỗi tiết dạy rất cần được sự giúp đỡ, hợp tác của học sinh và sự cố vũ động viên, sự góp ý chân thành của các giáo sinh cùng nhóm thực tập.

Ngoài ra, 2 yếu tố: Sự phối hợp thống nhất giữa gia đình với nhà trường trong công tác dạy học và giáo dục học sinh (ĐTB = 3.37) và Sự động viên, khích lệ tinh thần của gia đình, bạn bè (ĐTB = 3.35) được SV cho rằng có ảnh hưởng ở mức “Trung bình” đến khả năng thích ứng với ND TTSP2.

2.2. Biện pháp nâng cao khả năng thích ứng với nội dung TTSP2 của SV khoa GDTH & MN, Trường Đại học Quy Nhơn

a. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về nội dung TTSP2

- Mục đích: Cung cấp thông tin về các ND TTSP2: Thực tập giảng dạy, thực tập giáo dục và một số ND khác... để nâng cao nhận thức cho SV

- Nội dung: Tổ chức các buổi giao lưu, gặp gỡ, chia sẻ, các diễn đàn trao đổi để SV có những thông tin cần thiết về ND TTSP2 giúp họ hình dung, sẵn sàng tâm lý cho những công việc/nhiệm vụ quan trọng, phải làm khi đi TTSP2, từ đó làm tăng khả năng thích ứng với ND TTSP 2 ở họ.

b. Tăng cường hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hội thi nghiệp vụ sư phạm

- Mục đích: Giúp SV vững vàng về nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề nghiệp để họ có thể thích ứng tốt nhất với hoạt động TTSP nói chung, TTSP 2 nói riêng cũng như hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

- Nội dung:

+ Tăng cường thời gian thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, trải nghiệm các tình huống sư phạm, quan tâm hơn nữa đến hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (cơ sở vật chất, trang thiết bị, ...)

+ Tổ chức Hội thi nghiệp vụ sư phạm đa dạng về

nội dung và hình thức: Tìm hiểu về nghề dạy học, thi kể chuyện, đọc thơ, viết chữ đẹp, làm đồ dùng dạy học, ...

c. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường phổ thông để nâng cao khả năng thích ứng với nội dung TTSP2 cho SV

- Mục đích: Tạo sự gắn kết chặt chẽ trong ND TTSP2 theo yêu cầu của nhà trường phổ thông và quá trình xây dựng chương trình đào tạo rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV giúp họ dễ dàng, thuận lợi, và đạt hiệu quả cao hơn trong thực hành nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp.

- Nội dung:

+ Nhà trường sư phạm: Khảo sát thực tế, luôn cập nhật ND TTSP2 ở nhà trường phổ thông đưa vào chương trình đào tạo (nội dung học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm) để SV có thông tin và tiến hành rèn luyện, thực hành theo những ND ấy.

+ Nhà trường phổ thông: Thường xuyên cập nhật ND TTSP2, trao đổi, chia sẻ thông tin với nhà trường sư phạm giúp cho việc thực hành, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của SV đi đúng trọng tâm, đúng hướng, nhanh chóng, dễ dàng từ đó hoạt động TTSP2 của SV được thuận lợi, đạt kết quả cao hơn.

3. Kết luận:

Khả năng thích ứng với ND TTSP2 của SV khoa GDTH & MN, Trường ĐHQN chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố. Trong đó, nhóm yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất (mức “Rất nhiều”, ĐTB = 4.21) là từ bản thân SV. Hai nhóm yếu tố nhà trường sư phạm và cơ sở thực tập có ảnh hưởng ở mức “Nhiều” với ĐTB lần lượt là 3.50 và 3.42. Còn nhóm Yếu tố khác có ảnh hưởng ở mức “Trung bình” (ĐTB = 3.40) đến khả năng thích ứng với ND TTSP2 của SV khoa GDTH & MN, Trường ĐHQN.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Minh Loan, Nguyễn Bá Đạt, Đào Tư Duyên (2008), *Mức độ thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sau tốt nghiệp*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội.

2. Dương Thị Nga (2012), *Phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên cao đẳng sư phạm*, Luận án TS Giáo dục học. Thái Nguyên.

3. Đỗ Thị Thanh Mai (2009), *Mức độ thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên hệ cao đẳng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*, Luận án TS Tâm lý học, Hà Nội.

4. Huỳnh Văn Sơn (chủ biên) (2016), *Thích ứng với môi trường công việc khi thực tập*, NXB ĐHSP TP. HCM